

Bản án số: 15/2021/HS-ST
Ngày: 27-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phèo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Bé;
2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Nguyễn Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 208/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2020/HSST-QĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Trần Nhật N, sinh ngày 01/5/1997 tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 4, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T, sinh năm 1974 và bà Trần Thị Lệ H, sinh năm 1973; anh chị em ruột: Không có; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 17/5/2020 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: Trần Minh T, sinh ngày 06/8/1995 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 4, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M, sinh năm 1966 và bà Dương Ngọc D, sinh năm 1967; anh chị em ruột: Có 03 người kể cả bị cáo; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 17/5/2020 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Minh T:* Ông Phan Thanh H – Luật sư Công ty Luật TNHH Song Đức thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Dương Thị Kiều M, sinh năm 2001 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 4, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Nguyễn Ngọc Mai L, sinh năm 2001 (có đơn xin vắng mặt);

Hộ khẩu thường trú: 463/1 đường B, Phường 8, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: Ấp 5, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1995 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 8, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Phạm Thanh P, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: 326 đường B, Phường 12, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Âu Huỳnh L (vắng mặt);

Địa chỉ: Bửu 1, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

+ Lê Tuấn T, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Lâm Thị V, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 453/40/13/13 đường L, tổ 3, khu 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 16/5/2020, Trần Nhật N điện thoại rủ Trần Minh T đi mua chất ma túy về sử dụng và N nói T đến nhà N để cùng đi mua ma túy thì T đồng ý. N tiếp tục nhắn tin rủ Dương Thị Kiều M và Nguyễn Ngọc Mai L sử dụng chất ma túy thì M và L đồng ý. Khi đến nhà N, T hùn số tiền 1.000.000 đồng, N hùn số tiền 2.000.000 đồng để mua chất ma túy. T điện thoại cho một người tên “ông Anh” để mua ma túy và hẹn địa điểm giao nhận tại khu vực ấp 12, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. N nói có rủ thêm hai người bạn tên M và L sử dụng ma túy chung thì T đồng ý rồi cả hai đi đến nhà của M. N điều khiển xe mô tô biển số 59Y2-547.73 chở M và T điều khiển xe mô tô biển số 59S2-006.08 chở L đi đến khu vực ấp 12, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh mua chất ma túy. Tại đây, N đưa 3.000.000 đồng cho người nam thanh niên (không rõ lai lịch), người thanh niên này đưa 01 gói ma túy và 02 viên thuốc lắc là ma túy cho T. Sau khi mua ma túy xong, N rủ cả nhóm đi đến khách sạn Golden thuộc ấp 12, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng ma túy thì cả nhóm đồng ý. Tại đây, N thuê phòng số 302 với giá 500.000 đồng, khi vào phòng T nói thuê dàn âm thanh để nghe khi sử dụng ma túy thì

N đồng ý. T thuê dàn âm thanh của Nguyễn Đức T với giá 600.000 đồng. Khi thuê được dàn âm thanh, T bỏ 02 viên ma túy thành bốn phần bằng nhau để bốn người sử dụng, mỗi người tự nuốt vào bụng, gói ma túy còn lại thì T để trên bàn trong phòng 302. Khi cả nhóm đang sử dụng ma túy thì bị Công an huyện Củ Chi và Công an xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi phát hiện bắt quả tang vào lúc 00 giờ 00 phút ngày 17/5/2020. Đồng thời, Công an cũng phát hiện 01 gói ma túy để trên bàn trong phòng 302. T và N khai nhận là ma túy mà T và N hùn tiền mua như trên. Kết quả xét nghiệm chất ma túy đối với T, N, L, M đều dương tính với ma túy tổng hợp.

Tại Kết luận giám định số 835/KLGD-H ngày 25/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Trần Minh T và hình dấu Công an xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,7358g, loại Ketamine.

Vật chứng thu giữ:

01 (một) gói niêm phong mang số vụ 835/2020/Củ Chi có chữ ký niêm phong của giám định viên và điều tra viên.

Tiền 2.520.000 đồng.

01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng trắng màn hình bị vỡ.

01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo.

01 (một) xe máy biển số 59S2-006.08, số khung RLCL1SK10FY026862, số máy 1SK1-026866.

01 (một) xe máy biển số 59Y2-547.73, số khung RLCE55P10EY400916, số máy 55P1-400940.

01 (một) cái đĩa.

01 (một) máy tính xách tay hiệu Acer màu đen, 02 (hai) cây đèn màu đen, 01 (một) âm ly, 02 (hai) cái loa (đã trả cho ông Nguyễn Đức T).

Tại bản cáo trạng số 204/CT-VKS.CC ngày 06/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố bị can Trần Nhật N và Trần Minh T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các chứng cứ có tại hồ sơ. Vào lúc 00 giờ 00 phút ngày 17/5/2020, khi cả nhóm đang sử dụng ma túy thì bị Công an huyện Củ Chi và Công an xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi phát hiện bắt quả tang. Đồng thời, Công an cũng phát hiện 01 gói ma túy để trên bàn trong phòng 302, T và N khai nhận là ma túy mà T và N hùn tiền mua chất ma túy ở thể rắn, có khối lượng

1,7358g. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Nhật N và Trần Minh T đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Các bị cáo là người có đủ năng lực hành vi để biết việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích thỏa mãn cơn nghiện mà vẫn thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, xâm phạm trật tự quản lý Nhà nước về dược liệu, dược phẩm độc hại, gây mất trật tự tại địa phương, gây dư luận không tốt trong nhân dân nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc và cách ly ra khỏi xã hội một thời gian.

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có người thân ông Trần Văn Đ là liệt sĩ theo Quyết định số 89 ngày 19/01/1999, bà Nguyễn Thị D là Mẹ Việt Nam Anh hùng theo Quyết định số 2723/QĐ-CTN ngày 24/10/2014. Bị cáo được xác nhận là lao động chính trong gia đình, gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Nhật N mức án từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù.

Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Nhật N mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, Khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Minh T mức án từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù.

Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Minh T mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

01 (một) gói niêm phong mang số vụ 835/2020/Củ Chi có chữ ký niêm phong của giám định viên và điều tra viên; 01 cái đĩa (bà Vân không yêu cầu nhận lại) đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 20.000 đồng (bị cáo N cuộn tròn dùng làm dụng cụ hút ma túy); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng trắng màn hình bị vỡ (bị cáo T liên lạc mua ma túy); 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo (bị cáo N dùng liên lạc các đối tượng sử dụng mua ma túy); 01 (một) xe máy biển số 59S2-006.08, số khung RLCL1SK10FY026862, số máy 1SK1-026866 (bị cáo T mua

của Lê Tuấn T, T mua của T gà sau đó bán lại cho T); 01 (một) xe máy biển số 59Y2-547.73, số khung RLCE55P10EY400916, số máy 55P1-400940 (của bị cáo N) đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 2.500.000 đồng (của cá nhân bị cáo T không liên quan đến việc mua ma túy). Tại phiên tòa, bị cáo xin nhận lại nên đề nghị trả lại cho bị cáo T.

Đối với người tên “ông Anh” là người bán ma túy cho T, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Người bào chữa cho bị cáo T trình bày:

Thứ nhất về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự thì cần cá thể hóa hình phạt đối với bị cáo T. Bị cáo chỉ chịu trách nhiệm đối với trọng lượng ma túy 0,5789g mà bị cáo đã bỏ tiền ra mua. Đề mua 02 viên thuốc lắc và 1,7358g Ketamine, cả hai bị cáo hùn 3.000.000 đồng (N 2.000.000 đồng, T 1.000.000 đồng), hai viên thuốc lắc đã uống, còn 1,7358g Ketamine thì N cũng hùn 2/3 (tương đương với 1,1569g Ketamine), T hùn 1/3 (tương đương với 0,5789g Ketamine) và N, T chỉ phải chịu trách nhiệm về phần ma túy mà bị cáo đã bỏ tiền ra mua. Theo Điều 249 Bộ luật Hình sự, Điểm 3.6 Phần II Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 “Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII các tội phạm về ma túy” của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp thì hành vi tàng trữ 0,5789g Ketamine của T không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xem xét bỏ việc truy tố tội danh “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đối với bị cáo T.

Thứ hai về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự theo Điểm 6.2 Phần II Thông tư liên tịch số 17 ngày 24/12/2007 nêu trên có hướng dẫn cụ thể về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” cũng như căn cứ vào lời khai của các đương sự trong hồ sơ vụ án, cho thấy bốn người N, T, M, L đều đã sử dụng ma túy với mức độ khác nhau trước thời điểm ngày 16/5/2020 thể hiện N và T là người nghiện ma túy, có hành vi cho người ma túy khác là M và L chất ma túy (thuốc lắc và Ketamine) để sử dụng trái phép chất ma túy, nếu căn cứ vào Điểm 6.2 Phần II Thông tư liên tịch số 17 thì không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Đề nghị xem xét lại tội danh “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 255 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T.

Nếu tội danh “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” không được Hội đồng xét xử xem xét lại thì đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 Bộ luật Hình sự xem xét đơn xin xác nhận ngày 22/12/2020 của mẹ bị cáo T là bà Dương Ngọc D xác nhận T là lao động chính trong gia đình để xác định đây là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo T, xem bị cáo T có hai tình tiết giảm nhẹ. Từ đó cho bị cáo T được áp dụng khoản 1 Điều 54 “quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp

dụng” để quyết định cho bị cáo T được áp dụng mức hình phạt dưới khung hình phạt của khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên tranh luận: Hành vi của T và N là đồng phạm trong việc tàng trữ trái phép chất ma túy. Hai bị cáo cùng tàng trữ khối lượng chất ma túy 1,7358g. N rủ rê nên áp dụng nghiêm khắc hơn T. Dựa trên cơ sở 1.000.000 đồng, 2.000.000 đồng thì xem xét tính chất, hành vi bản thân các bị cáo không biết M, L nghiện ma túy. L, M không có xác định tình trạng nghiện.

Bị cáo Trần Nhật N, Trần Minh T không tranh luận, không tự bào chữa.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trần Nhật N, Trần Minh T: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Nhật N, Trần Minh T đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 16/5/2020, Trần Nhật N điện thoại rủ Trần Minh T đi mua chất ma túy về sử dụng và N nói T đến nhà N để cùng đi mua ma túy thì T đồng ý. N tiếp tục nhắn tin rủ Dương Thị Kiều M và Nguyễn Ngọc Mai L sử dụng chất ma túy thì M và L đồng ý. Khi đến nhà N, T hùn số tiền 1.000.000 đồng, N hùn số tiền 2.000.000 đồng để mua chất ma túy. T điện thoại cho một người tên “ông Anh” để mua ma túy và hẹn địa điểm giao nhận tại khu vực ấp 12, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. N nói có rủ thêm hai người bạn tên M và L sử dụng ma túy chung thì T đồng ý. N điều khiển xe máy biển số 59Y2-547.73 chở M và T điều khiển xe máy biển số 59S2-006.08 chở L đi đến khu vực ấp 12, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh mua chất ma túy. Tại đây, N đưa 3.000.000 đồng cho người nam thanh niên, người thanh niên đưa 01 gói ma túy và 02 viên thuốc lắc là ma túy cho T. Sau khi mua ma túy xong, N rủ cả nhóm đi đến khách sạn Golden thuộc ấp 12, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng ma túy thì cả nhóm đồng ý. Tại đây, N thuê phòng, khi vào phòng T nói thuê dàn âm thanh để nghe khi sử dụng ma túy thì N đồng ý. T bẻ 02 viên ma túy thành bốn phần bằng nhau để bốn người sử dụng. Gói ma túy còn lại thì T để trên bàn trong phòng. Khi cả nhóm đang sử dụng ma túy thì bị Công an huyện Củ Chi và Công an xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi phát hiện bắt quả tang vào lúc 00 giờ 00 phút ngày 17/5/2020. Đồng thời, Công an cũng

phát hiện 01 gói ma túy để trên bàn trong phòng. T và N khai nhận là ma túy mà T và N hùn tiền mua như trên. Kết quả xét nghiệm chất ma túy đối với T, N, L, M đều dương tính với ma túy tổng hợp. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Nhật N và bị cáo Trần Minh T đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý dược liệu, dược phẩm độc hại, gây mất an ninh trật tự tại địa phương và tạo ra dư luận xấu trong nhân dân. Hơn nữa, hành vi của các bị cáo tàng trữ chất ma túy để sử dụng ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của các bị cáo và có khả năng là nguyên nhân gây ra các tội phạm khác. Các bị cáo nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì muốn thỏa mãn cơn nghiện của bản thân mà các bị cáo đã bất chấp thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc để cải tạo và giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt cho xã hội.

Các bị cáo N, T thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm. Tuy nhiên, đây chỉ là đồng phạm giản đơn, các bị cáo tàng trữ, cùng tham gia tổ chức cho những người khác sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ, phân công công việc cụ thể. Trong vụ án này, bị cáo N là người đề xuất rủ T đi mua ma túy về sử dụng. N rủ M, L sử dụng chất ma túy. N chở M đi mua ma túy. N đưa 3.000.000 đồng cho người bán ma túy. N rủ cả nhóm đến khách sạn để sử dụng ma túy. N thuê phòng. T gọi điện thoại mua ma túy và hẹn địa điểm giao nhận. T chở L mua chất ma túy. T nhận 01 gói ma túy và 02 viên thuốc lắc là ma túy từ người bán. T thuê dàn âm thanh. T bỏ 02 viên ma túy thành bốn phần bằng nhau để bốn người sử dụng. Bị cáo N đóng vai trò đầu vụ. Bị cáo T có vai trò thấp hơn N.

Tình tiết tăng nặng: Các Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo được xác nhận là lao động chính trong gia đình, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, có người thân là liệt sĩ, Mẹ Việt Nam Anh hùng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về xử lý vật chứng:

01 (một) gói niêm phong mang số vụ 835/2020/Củ Chi có chữ ký niêm phong của giám định viên và điều tra viên; 01 cái đĩa (bà V không yêu cầu nhận lại) Hội đồng xét xử quyết định tịch thu tiêu hủy.

Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 20.000 đồng (bị cáo N cuộn tròn dùng làm dụng cụ hút ma túy); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng trắng màn hình bị vỡ (bị cáo T liên lạc mua ma túy); 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo (bị cáo N dùng liên lạc các đối tượng sử dụng mua ma túy); 01 (một) xe máy biển số 59S2-006.08, số khung RLCL1SK10FY026862, số máy 1SK1-026866 (bị cáo T mua của Lê Tuấn T, T mua của T gà sau đó bán lại cho T); 01 (một) xe máy biển số 59Y2-547.73, số khung RLCE55P10EY400916, số máy 55P1-400940 (của bị cáo N) Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 2.500.000 đồng (của cá nhân bị cáo T không liên quan đến việc mua ma túy), tại phiên tòa bị cáo xin nhận lại. Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho bị cáo T.

[6] Đối với đối tượng bán ma túy cho N và T, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau.

Những xử lý trên của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp.

[7] Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Nhật N, Trần Minh T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trần Nhật N 04 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Buộc bị cáo Trần Nhật N phải chịu hình phạt chung cho hai tội tổng cộng là 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2020.

Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trần Minh T 04 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Buộc bị cáo Trần Minh T phải chịu hình phạt chung cho hai tội tổng cộng là 05 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2020.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) gói niêm phong mang số vụ 835/2020/Củ Chi có chữ ký niêm phong của giám định viên và điều tra viên; 01 cái đĩa.

Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước: Tiền 20.000 (hai mươi nghìn) đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng trắng màn hình bị vỡ; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo; 01 (một) xe máy biển số 59S2-006.08, số khung RLCL1SK10FY026862, số máy 1SK1-026866; 01 (một) xe máy biển số 59Y2-547.73, số khung RLCE55P10EY400916, số máy 55P1-400940.

Trả lại cho bị cáo Trần Minh T: Tiền 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

(Các vật chứng nêu trên được liệt kê tại Phiếu nhập kho vật chứng số 126/PNK ngày 02/7/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi (BL 114)).

Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Nhật N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Trần Minh T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Công an huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Văn Phèo